

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 3- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Khoa; Ông Lương Minh Côn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 173/2021/TLST - HNGĐ, ngày 15/7/2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐST - HNGĐ, ngày 10/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đàm Thị H, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, xã A, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã S thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ xã A, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Đàm Thị H trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn H kết hôn năm 2009, trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại xóm Đ, xã A, huyện Đại Từ, vợ chồng sống được 01 tháng thì ra ở riêng, không ai có tài sản riêng gì. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu say, về nhà đánh đập vợ con, anh H không cùng tôi để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2020 tới nay và chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh H có 01 con chung cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 25/3/2014, hiện cháu T đang sinh sống cùng với tôi tại xóm Đ, xã S, thành phố Thái Nguyên. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi cháu T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Tôi không tranh chấp và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Tôi và chị Đàm Thị H kết hôn năm 2009, trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại xóm Đ, xã A, huyện Đại Từ, vợ chồng sống được 01 tháng thì ra ở riêng, không ai có tài sản riêng gì. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H tự ý bỏ về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay. Vợ chồng không có xảy ra cãi chửi, cũng như không có việc đánh đập nhau. Đến nay, tôi xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, chị H xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị H có 01 con chung cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 25/3/2014. Hiện cháu T đang sinh sống cùng với mẹ là chị H. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cháu T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Tôi không tranh chấp và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị H giao nộp gồm:

01 Giấy chứng nhận kết hôn của Nguyễn Văn H và Đàm Thị H (bản chính); 01 Giấy khai sinh của Nguyễn Thu T (bản sao); 01 Giấy chứng minh nhân dân của Đàm Thị H (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Văn H (bản sao). Anh H không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên đề nghị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Về con chung chị H có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn không chấp hành do đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử

+ Cho chị Đàm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thu T, sinh ngày 25/3/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét do đương sự không yêu cầu. Về quyền thăm nom con chung anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

+ Về tài sản: Không xem xét.
+ Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh Hiền vắng mặt không lý do, do đó vụ án không thể tiến hành hòa giải được nên phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Nguyễn Văn H cư trú tại xã A, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Hiền vắng mặt lần hai không có lý do, mặc dù được tổng đạt hợp lệ, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Đàm Thị H và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn phía chị H xác định do anh H thường xuyên uống rượu say, về nhà đánh đập vợ con, anh H không xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Phía anh H xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng không xảy ra cãi chửi, cũng như không có xảy ra xô xát, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn, tuy nhiên khi vợ chồng sống ly thân anh không gọi điện thuyết phục chị H quay về đoàn tụ cũng như không có giải pháp để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng mặc dù Tòa án triệu tập anh tham gia phiên hòa giải nhưng anh vắng mặt không lý do, anh cũng không đưa ra được phương án để thuyết phục chị H quay về đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị H và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ năm 2019 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014 chấp nhận đề nghị của chị Hậu, cho chị Đàm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết cả chị H và anh H đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 25/3/2014. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Phía anh H cũng có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị gì.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại cháu T đang sinh sống cùng chị H tại xóm Đ, xã S, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên từ khi vợ chồng sống ly thân. Tại đơn đề nghị về nguyện vọng của con chung thì cháu Trang có nguyện vọng được ở với chị H. Xét thấy nguyện vọng của chị H và con chung là có căn cứ, hơn nữa cháu T là nữ việc chăm sóc cháu phía chị H sẽ thuận lợi hơn nên cần giao con chung Nguyễn Thu T, sinh ngày 25/3/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi trừ trường hợp chị H, anh H có thỏa thuận khác hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử không xem xét do đương sự không đề nghị.

Về quyền thăm nom con chung: Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết chị Hậu và anh Hiền không có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị H, cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thu T, sinh ngày 25/3/2014 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị H, anh H có thỏa thuận khác hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu số 00138874, ngày 15/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã A;
- Lưu hồ sơ + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Ngọc Hải